

Bản án số: 127/2018/HS-PT
Ngày: 11-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đình Bảy

Bà Cao Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Sương- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2018/HSPT ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị M. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Thị M, sinh ngày 01-01-1997 tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Xê đăng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H và bà Hồ Thị T; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19-3-2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Trần H, sinh năm 1968 và anh Trần Văn M sinh năm 1995; trú tại: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch: Ông Hồ A, sinh năm 1997; trú tại: thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16-8-2017, trong lúc ngồi ăn cơm chiều và uống rượu tại nhà ông Trần H, gồm có các ông, bà: Trần H (cha ruột của bị cáo), Hồ Thị T (mẹ ruột của bị cáo), Hồ Thị H, Hồ Thị Y, Hồ Thị N và Huỳnh D. Lúc này, giữa bị cáo Trần Thị M và mẹ ruột là bà Hồ Thị T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Nguyên nhân là do bà T la mắng M, cho rằng M đã trộm cắp mía của hàng xóm, M cãi lại vì cho rằng không hề có việc trộm cắp đó. Trong lúc cãi nhau, bà

Thương dùng tay phải tát một cái vào mặt và véo một cái vào tai cùng phía bên trái của M. Tức giận vì bị mẹ la mắng oan trước mặt nhiều người và bị đánh đau, M nói với bà T: “Có tin con dùng dao đâm mẹ không nề”, rồi M đứng dậy đi đến gần chỗ bếp ăn, bà T cũng đi theo, M liền rút con dao tự chế để trên vách nhà bằng gỗ, tay phải của M cầm dao đâm ngược về phía sau lưng với lực mạnh, trúng vào vùng hạ sườn hông bên phải của bà T và M rút con dao ra. Thấy vậy, ông H chạy đến giật lấy con dao từ tay của M rồi nhanh chóng cùng hàng xóm đưa bà T đi cấp cứu tại Bệnh viện huyện N, sau đó chuyển xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam để điều trị.

Đến 21 giờ cùng ngày, bị cáo Trần Thị M đã đến Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Trà My đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã gây ra thương tích cho bà T.

Theo kết luận tại Bản giám định thương tích số 241/GĐTT.17, ngày 23-8-2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam đã kết luận tỷ lệ thương tích mà bị cáo Trần Thị M đã gây ra cho bà Hồ Thị T là 59% .

Tại kết luận giám định Pháp y tâm thần số 91/KLGĐTC, ngày 29-01-2018 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Miền Trung đã kết luận: Trước thời điểm M có hành vi gây thương tích cho bà T (gây án) cũng như tại thời điểm gây án, sau thời điểm gây án và tại thời điểm hiện tại, bị cáo Trần Thị M bị Hội chứng sau chấn động não, mức độ suy nhược chấn thương (F07.2) dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Nam Trà My đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 19-3-2018).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20-3-2018, bị cáo Trần Thị M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 333, 334 của Bộ luật tố tụng Hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

Tức giận vì bị mẹ la mắng oan trước mặt nhiều người và bị đánh đau, bị cáo đã dùng con dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bà T với tỷ lệ 59%. Hành vi của bị cáo Trần Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về áp dụng pháp luật, bị cáo sau khi phạm tội đã chăm sóc nuôi dưỡng bị hại, được người bị hại bà T xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là thiếu sót đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Trần Thị M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, mức án Tòa án cấp sơ

thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo có luận cứ: nguyên nhân vụ việc là do người bị hại nói oan bị cáo ăn trộm mía và có hành động đánh bị cáo nên bị cáo bị ức chế về tinh thần dẫn đến hành vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo bị Hội chứng sau chấn động não, mức độ suy nhược chấn thương (F07.2) dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đã chăm sóc nuôi dưỡng người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Khắc phục hậu quả” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện ở nhà chữa bệnh.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 333, 334 của Bộ luật tố tụng Hình sự, nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị M khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận tại Bản giám định thương tích, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 15 giờ 30 ngày 16-8-2017, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bị cáo và mẹ ruột là bà Hồ Thị T; vì bà T la mắng bị cáo trộm cắp mía của hàng xóm, bị cáo đã dùng dao đâm vào vùng hạ sườn hông bên phải của bà T, gây thương tích với tỷ lệ 59%. Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và đến thời điểm hiện tại, bị cáo M bị Hội chứng sau chấn động não, dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1999, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo được xét xử theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, như bản án sơ thẩm đã quy kết là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và luận cứ của người bào chữa cho bị cáo thì thấy: Sau khi phạm tội, bị cáo có đưa cho người bị hại bà T 100.000 đồng, sau khi xuất viện về nhà bị cáo là người chăm sóc bà T, được bà T thừa nhận tại cấp sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “khắc phục

hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, nên cần áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 24 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù có áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nhưng mức hình phạt 24 tháng tù mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục tội phạm, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và luận cứ của người bào chữa được, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức, không có việc làm nên miễn án phí cho bị cáo là phù hợp.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19-3-2018.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đinh Văn Long